| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ QUY NHƠN**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 1242/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 12 - 2017
V/v Ly hôn giữa anh C và chị V

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Định

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đoàn Thị Thùy Châu

Bà Trịnh Thị Xuân Hoài

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Hương Giang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 928/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh C, sinh năm 1979, địa chỉ: Đường Đ, tổ D, khu vực M, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị V, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ T, khu vực A, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2017, đơn bổ sung và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh C trình bày:*

Anh và chị V đăng ký kết hôn vào ngày 31.12.2004 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh làm nghề lái xe, thường xuyên xa nhà, khi anh có mối quan hệ với người khác chị V tỏ thái độ không tôn trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Năm 2013, chị V làm đơn yêu cầu ly

hôn anh nhưng sau đó chị V tự nguyện rút đơn khởi kiện, chị V dẫn hai con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện anh nhận thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn chị V.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên N, sinh ngày 30.7.2006 và K, sinh ngày 10.9.2010, hai cháu đang sống với chị V, sức khỏe bình thường. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao hai con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng, nếu chị V không đồng ý anh yêu cầu mỗi người nuôi một cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*- Tại bản tự khai ngày 04 tháng 10 năm 2017 và lời khai tiếp theo bị đơn chị V trình bày:*

Chị thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như anh C trình bày. Theo chị, cũng vì không chịu đựng được cách sống của anh C, năm 2013 chị đã làm đơn yêu cầu ly hôn anh C nhưng được Tòa động viên hàn gắn nên chị đã rút đơn. Từ đó đến nay, mặc dù tình cảm vợ chồng không được cải thiện nhưng chị chấp nhận tha thứ cho anh C, mong anh suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con.

Về con chung: Thống nhất như anh C trình bày về con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh, sức khỏe và tình trạng hiện nay của các cháu. Nếu ly hôn chị cương quyết yêu cầu được nuôi 02 cháu N, K và yêu cầu anh C cấp dưỡng mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; Khoản 2 Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của anh C được ly hôn chị V; Về con chung: Giao 02 cháu N và cháu K cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng; Anh C cấp dưỡng nuôi con đối với cháu N và K mỗi cháu từ 1.000.000 đồng/tháng đến 1.500.000 đồng/tháng; Anh C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh C với bị đơn chị V là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con chung". Chị V cư trú tại Tổ T, khu vực A, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Anh C và chị V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 31.12.2004 tại UBND phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh C, do anh làm nghề lái xe, thường xuyên xa nhà vợ chồng ít có cơ hội gặp gỡ, nói chuyện, không có sự tôn trọng nhau. Anh thừa nhận một phần do lỗi của anh mới dẫn đến sự việc như ngày hôm nay nhưng anh không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này nữa. Chị V thì không đồng ý ly hôn vì cho rằng hiện chị vẫn còn tình cảm với anh C, mong muốn anh C suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy các con.

[3] HĐXX thấy rằng, Biên bản xác minh ngày 24.11.2017 tại UBND phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định có nội dung "… Trong quá trình chung sống tại địa phương, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C làm nghề lái xe, vì tính chất công việc nên thường xuyên xa nhà. Năm 2013 mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, dẫn đến việc chị V dẫn theo các con về nhà cha mẹ ruột để ở từ thời điểm đó cho đến nay… ". Thấy rằng, năm 2013 chị V đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh C, ngày 13.6.2013 Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 369/2013/QĐST-HNGĐ vì chị V đã tự nguyện rút đơn khởi kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn. Tuy nhiên, từ đó đến nay cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện, cả hai sống ly thân từ năm 2013. Tình cảm, trách nhiệm giữa các bên thực sự không còn, khả năng hàn gắn là điều không thể. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh C, chị V thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị V yêu cầu được đoàn tụ nhưng chị cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ nhằm kéo dài thời gian gây đau khổ cho cả hai vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

[4] Về con chung: Anh C, chị V thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên N sinh ngày 30.7.2006 và K sinh ngày 10.9.2010. Hiện hai cháu đang sống với chị V, sức khỏe bình thường. Nếu ly hôn, anh C đồng ý giao hai con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng. Nếu chị V không đồng ý anh yêu cầu mỗi người nuôi một cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị V thì cương quyết yêu cầu được nuôi hai cháu và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Tòa xét việc giao con cho ai nuôi là phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trên cơ sở điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng có đảm bảo cho sự phát triển bình thường của đứa trẻ hay không. Xét anh C làm nghề lái xe, thường xuyên xa nhà; Chị V có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi các cháu. Mặt khác, từ nhỏ các cháu đã sống chung với mẹ, tình cảm chị em gắn bó. Xét nguyện vọng của các cháu N, K mong muốn được ở với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, HĐXX giao 02

cháu N, K cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Chị V yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng nhưng anh C không đồng ý. Thấy rằng, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do đó việc chị V yêu cầu khoản cấp dưỡng nuôi con là chính đáng, tuy nhiên với mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng là cao. Xét nhu cầu thực tế của các bên và để bảo đảm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của các cháu cũng như khả năng, thu nhập thực tế của anh C (9.000.000 đồng/tháng) buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh C phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh C và chị V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là cháu N, sinh ngày 30.7.2006 và cháu K, sinh ngày 10.9.2010 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 12.2017 cho đến khi các cháu N, K đủ 18 tuổi.

*Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.*

*Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.*

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng, tổng cộng 600.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005307 ngày 04.10.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Anh C còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh C, chị V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
-VKSND, CCTHADS Tp Quy Nhơn;
- TANDTP.Quy Nhơn;
- UBND P. H;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Định**